

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 577/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 8 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đơn giá cây giống lâm nghiệp phục vụ trồng rừng tập trung và
cây phân tán trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao Chỉ tiêu Kế hoạch Nhà nước năm 2021; Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt đơn giá cây giống trồng rừng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 49/TTr-STC ngày 26/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá cây giống lâm nghiệp phục vụ trồng rừng tập trung và cây phân tán trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2021, như sau:

STT	Loài cây	Đường kính gốc (cm)	Chiều cao (cm)	Tuổi cây giống (tháng)	Kích thước túi bầu (cm)	Đơn giá (đồng/cây)
1	Keo tai tượng hạt ngoại	0,2-0,3	20-35	3-4	7x12	1.377

2	Keo mô	0,2-0,3	20-35	3-4	7x12	2.880
3	Keo hom	0,2-0,3	20-35	3-4	7x12	1.198
4	Mỡ	0,4-0,6	40-60	6-10	9x13	3.450
5	Quế	0,4-0,6	40-60	6-10	9x13	3.520
6	Lát hoa	0,5-1,0	50-80	12-18	10x15	8.300
7	Lim xanh	0,5-1,0	50-80	12-18	10x15	8.000
8	Re gừng	0,5-1,0	50-80	12-18	10x15	8.100
9	Giỏi xanh	0,5-1,0	50-80	12-18	10x15	10.000
10	Sồi phẳng	0,5-1,0	50-80	12-18	10x15	7.800
11	Chò chỉ	> 0,7	> 150	> 32	20x25	86.500
12	Lát hoa	> 1,0	> 150	> 32	20x25	95.000
13	Lim xanh	> 1,0	> 150	> 32	20x25	83.500
14	Re gừng	> 1,0	> 150	> 32	20x25	80.000
15	Sấu	> 1,0	> 150	> 32	20x25	86.500
16	Giỏi xanh	> 1,0	> 150	> 32	20x25	94.500
17	Lim xẹt	> 1,0	> 150	> 32	20x25	80.000

Mức giá trên là mức giá tối đa đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí bốc xếp, vận chuyển, chăm sóc cây giao tại lô trồng rừng thuộc các chương trình, dự án trên địa bàn các huyện, thành, thị và bảo hành đến khi nghiệm thu tại đơn vị sử dụng theo quy định tại Quyết định số 08/VBHN-BNNPTNT ngày 26/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên.

Cây giống bảo đảm các thông số về tuổi cây, đường kính gốc, chiều cao cây, kích thước túi bầu. Cây giống phải rõ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng tốt, không sâu bệnh, khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và yêu cầu trồng cây phân tán theo kế hoạch và điều kiện theo báo giá, hợp đồng trồng, cung cấp cây giống.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Lâm nghiệp, UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn